

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54 /2018/DS– ST

Ngày: 22/8/2018

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HOÀ, TỈNH PHÚ YÊN
-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Trọng Khá;
2. Bà Đào Thị Ngâm;

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Tuyết Trinh – Thư ký Toà án.

Ngày 22 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tuy Hoà, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2018/TLST – DS ngày 19/3/2018 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2018/QĐXXST – DS ngày 24/7/2018 giữa các đương sự:

1/Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Thanh S –sinh năm 1964; Trú tại: đường T, phường M, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2/Bị đơn: Bà Phạm Thị Thanh H – sinh năm 1973; Trú tại: đường L, phường T, thành phố T, tỉnh Phú Yên; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 3 năm 2018, bà Hồ Thị Thanh S yêu cầu bà Phạm Thị Thanh H trả nợ vay số tiền 14.000.000đ, lãi theo quy định của pháp luật từ ngày vay 07/9/2016 cho đến ngày trả nợ cuối cùng.

-Bị đơn bà Phạm Thị Thanh H trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 03 tháng 4 năm 2018: Vào năm 2014, tôi có vay của bà S số tiền 12.000.000đ, lãi 5%/tháng, tôi chỉ trả được lãi được vài tháng thì bà S bị bắt đi tù nên tôi không trả tiền cho bà S được, đến năm 2016 bà S về có đến gặp tôi để đòi nợ, bà S tính lãi lên 2.000.000đ và cộng vô gốc lên số tiền 14.000.000đ và bà S đã chốt nợ

theo Giấy xác nhận nợ ngày 07/9/2016 (Giấy gốc này do tôi giữ, bà S chỉ có bản photocopy).

Từ sau khi chốt nợ đến nay, hàng tháng cứ có tiền thì tôi đem lên trả nợ cho bà S, mỗi lần tôi trả nợ bà S đều viết cho tôi 01 tờ giấy nhỏ xác nhận số tiền tôi trả cho bà, đến nay tôi đã trả cho bà S được khoảng 5.450.000đ, cụ thể các ngày trả nợ như sau:

+Ngày 07/9/2016 đến ngày 07/10/2016: trả được 1.000.000đ (ghi vào sau tờ giấy nợ ngày 07/6/2016).

+Ngày 21/10/2016 đến ngày 12/02/2017 trả 05 lần tổng cộng 1.450.000đ.

+Ngày 16/02/2017 trả tiếp 500.000đ.

+Ngày 13/5/2017 trả được 1.000.000đ.

+Ngày 21/01/2017 trả 500.000đ.

+Ngày 10/02/2018: trả 1.000.000đ.

Hiện nay tôi vẫn đang trả nợ đều cho bà S, do đó tôi không chấp nhận việc bà S khởi kiện tôi số tiền 14.000.000đ, tôi yêu cầu Tòa trừ lại số tiền tôi đã trả cho bà S, còn lại bao nhiêu tôi sẽ tiếp tục trả.

Tại phiên tòa:

-Nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt không có lời trình bày;

-Bị đơn giữ nguyên lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ về khoản vay tài sản, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hoà theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ các Điều 227, 228 của BLTDS năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[3] **Về nợ gốc:** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Phạm Thị Thanh H chấp nhận vào ngày 07/9/2016, giữa bà và nguyên đơn Hồ Thị Thanh S đã chốt nợ gốc số tiền 14.000.000đ và bà đã ký vào Giấy xác nhận nợ ngày 07/9/2016 mà bà S đã cung cấp khi khởi kiện, đồng thời bà H đã cung cấp các chứng từ trả

góp (đã được Tòa án đối chiếu bản gốc và lưu lại hồ sơ các bản photocopy) trong đó có khoản tiền 1.000.000đ trả vào ngày 07/10/2016 được bà S ghi nhận vào mặt sau của Giấy xác nhận nợ có nội dung “*ngày 07/9/2016 trả đến ngày 07/10/2016: 1.000.000đ (một triệu) còn lại 13.000.000đ*” do đó Hội đồng xét xử xác định đến ngày 07/10/2016, bị đơn bà Phạm Thị Thanh H còn nợ nguyên đơn Hồ Thị Thanh S khoản tiền gốc là 13.000.000đ (mười ba triệu đồng). Việc vay tiền giữa các đương sự được xác lập và thực hiện từ năm 2014 và chốt nợ vào năm 2016 nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 688 BLDS 2015 và áp dụng các Điều 471, 474 BLDS 2005 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc **13.000.000đ (Mười ba triệu đồng)**;

[4]**Về tiền lãi trên nợ gốc:** Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S đều có đơn xin vắng mặt, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã thông báo cho bà S nội dung trình bày của bà H. Tại biên bản giao nhận văn bản tổ tụng ngày 06/7/2018, bà S chấp nhận các khoản bà H đã trả, yêu cầu tính lãi trên nợ vay 14.000.000đ từ ngày vay đến ngày trả nợ, theo thỏa thuận góp 35.000đ/ngày, góp đúng không tính lãi, góp không đúng thì tính lãi ngày trên số tiền góp, trừ số tiền bà H đã trả vào khoản lãi góp hàng ngày 35.000đ, số nợ còn lại tiếp tục tính lãi. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo giấy nhận nợ ghi “*mỗi ngày bà H phải trả cho bà S 35.000đ cho đến khi hết số tiền trên không tính lãi, nếu quá 10 ngày bà H không trả thì phát sinh tính lãi kể từ ngày bà H không trả nợ cho tôi*”, vậy đây là khoản vay có lãi nhưng các bên không thỏa thuận về lãi suất nên áp dụng khoản 2 Điều 476 BLDS tính lãi cơ bản = 9%/năm = 0,75%/tháng (Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010). Đến ngày 07/10/2016, bà H trả cho bà S 1.000.000đ, bà S chốt nợ lại còn 13.000.000đ (gốc), sau đó bà H góp tiền cho bà S vào các mốc thời gian:

+Ngày 21/10/2016: 200.000đ;

+Ngày 02/11/2016: 250.000đ;

+Ngày 09/11/2016: 200.000đ;

+Ngày 23/11/2017: 300.000đ;

+Ngày 12/02/2017: 500.000đ;

+Ngày 16/02/2017: 500.000đ;

+Ngày 21/01/2017: 500.000đ;

+Ngày 13/5/2017: 1.000.000đ;

+Ngày 10/02/2018: 1.000.000đ;

Tổng cộng đã trả 4.450.000đ.

Căn cứ vào mốc thời gian trên thì bà H đã không thực hiện đúng cam kết về góp hàng ngày đối với bà S nên bà H phải chịu tiền lãi đối với khoản vay gốc còn lại 13.000.000đ tính từ ngày 07/10/2016 đến ngày xét xử 22/8/2018 là 22 tháng 15 ngày $\times 0,75\%/tháng = 2.193.750đ$ làm tròn số bằng 2.194.000đ (*Hai triệu một trăm chín mươi bốn ngàn đồng*).

[5]Về khoản nợ bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn: Bị đơn bà H đã trả được cho bà S số tiền 4.450.000đ, theo yêu cầu của bà S về việc trừ số tiền bị đơn đã trả vào tiền lãi, Hội đồng xét xử chấp nhận: số tiền đã trả 4.450.000đ trừ vào tiền lãi phải trả 2.194.000đ còn dư lại số tiền 2.256.000đ sẽ trừ vào số tiền nợ gốc $= 13.000.000đ - 2.256.000đ = 10.744.000đ$ (*Mười triệu bảy trăm bốn mươi bốn ngàn đồng*), buộc bị đơn Phạm Thị Thanh H phải trả số nợ gốc còn lại nói trên cho nguyên đơn Hồ Thị Thanh S. Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm (tức là ngày 23/8/2018), nếu bà H chưa trả số nợ nói trên cho bà S thì chịu lãi theo quy định tại Điều 305 BLDS 2005.

[6]Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 BLTTDS, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 471, 474, 476, 478, 305 Bộ luật dân sự năm 2005;

Tuyên xử:

[1]Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S tại đơn khởi kiện ngày 09/3/2018, buộc bị đơn bà Phạm Thị Thanh H trả cho nguyên đơn Hồ Thị Thanh S số tiền gốc còn lại **10.744.000đ** (*Mười triệu bảy trăm bốn mươi bốn ngàn đồng*).

[2]Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 23/8/2018), nếu bị đơn chưa thanh toán xong số tiền nói trên thì phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[3]Về án phí: Bị đơn bà Phạm Thị Thanh H phải chịu 537.200 đồng (*Năm trăm ba mươi bảy nghìn hai trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Bà Hồ Thị Thanh S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn lại 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 09925 ngày 19/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4]Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhân:

-VKSND thành phố Tuy Hòa
-TAND tỉnh Phú Yên
-Các đương sự
-Chi cục thi hành án dân sự
thành phố Tuy Hòa
-Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Hà